

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HC-PT

Ngày: 24/02/2025

*V/v Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại HN, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 692A/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 246/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh TH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 461/2025/QĐPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn ĐV, xã HV, huyện HT, tỉnh TH; có mặt.

2. Người bị kiện: UBND huyện HT, tỉnh TH.

Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân D1 - Phó Chủ tịch UBND huyện HT; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã HV, huyện HT, tỉnh TH.

Người đại diện: Ông Phạm Khắc P1 - Phó Chủ tịch UBND xã HV; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Vũ Văn M1, sinh năm 1964; có mặt.

3.3. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1972; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐV, xã HV, huyện HT, tỉnh TH.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1, bà T1: Luật sư Trần Văn H1 - Công ty Luật BMT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TH; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình giải quyết tại Tòa án ông Bùi Văn L1 trình bày:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TH hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BT 273.267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1, với tổng diện tích 2.894m². Địa chỉ thửa đất thôn ĐV, xã HV, huyện HT, tỉnh TH. Lý do hủy quyết định, do Ủy ban nhân dân huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1 là nguồn gốc đất của gia đình tôi đã được Ủy ban nhân dân xã giao cho tôi từ những năm 1996. Tôi cho ông M1 và bà T1 mượn trồng cây hoa màu để làm ăn sinh sống hàng ngày, tôi không cho hẳn và cũng không chuyển nhượng cho gia đình ông M1 và bà T1. Vì tình cảm anh em (ruột) trong gia đình nên tôi cho mượn không có viết giấy tờ gì khác để làm chứng.

Nay tôi phát hiện được Ủy ban nhân dân huyện HT đã cấp bìa đỏ cho ông M1 và bà T1, ngày 06/01/2014 chồng lên đất của gia đình tôi mà không được sự đồng ý của tôi nhưng vẫn làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy đất của ông M1 và bà T1 đã chồng lên phần đất của gia đình tôi đã được Ủy ban nhân dân xã giao cho tôi đã bị xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của tôi.

Ý kiến bổ sung của Ông Bùi Văn L1 nếu Tòa án nhân dân tỉnh TH hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M1 và bà T1 thì mong Tòa án nhân dân tỉnh TH đề nghị cấp có thẩm quyền cấp lại đất cho tôi theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của người bị kiện UBND huyện HT:

Ý kiến của người khởi kiện có nội dung: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 273267, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.894m²; Địa chỉ: xã HV, huyện HT, tỉnh TH, đứng tên ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1. Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung tại Thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh TH; Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã HV và các hồ sơ, giấy tờ liên quan. Ủy ban nhân dân huyện HT có ý kiến đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện như sau:

- Về giấy xin xác nhận sử dụng đất lâm nghiệp của ông Bùi Văn L1 với diện tích 3.580m² được UBND xã HV xác nhận ngày 21/12/2007 không thể

hiện vị trí, tờ bản đồ, số thửa theo các loại bản đồ mà chỉ ghi là tại khu vực Đồi Rọc. Do đó, không có cơ sở để xác định khu đất mà ông Bùi Văn L1 được xã xác nhận trên trùng với vị trí đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1:

+ Theo hồ sơ địa chính xã HV (lập năm 1997): Vị trí cấp giấy tại tờ bản đồ số 6, thửa 31, diện tích 2894m², loại đất: T. Sổ mục kê được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TH duyệt ngày 18/12/1997 tại trang 21, thửa 31, chủ sử dụng Vũ Văn M1, diện tích 2894m² (Đất ở 294m²; đất vườn 2600m²).

+ Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có các giấy tờ: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được lập ngày 14/9/2011; Biên bản thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 ngày 15/9/2011; Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 12/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã HV (kèm theo Biên bản họp xét duyệt, Thông báo về việc công khai, Biên bản kết thúc công khai về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 và 23 hộ gia đình khác tại xã HV).

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã HV và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, thời điểm, hiện trạng sử dụng đất của ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1. Đối chiếu với các quy định pháp luật tại thời điểm đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân huyện HT đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân xã HV (cho ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 và 23 hộ gia đình khác tại xã HV) theo quy định.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ý kiến của UBND xã HV, huyện HT trình bày:

1. Nguồn gốc thửa đất số 31 tờ bản đồ địa chính số 6 đo đạc năm 1997 đang bị khởi kiện đề nghị hủy:

* Theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1985: Thửa 74, diện tích 30.500m², loại đất: LM (lúa màu), chủ sử dụng: Hợp tác xã.

+ Theo bản đồ địa chính từ số 6 đo vẽ năm 1997 thửa 31 diện tích 2894m², loại đất T. Sổ mục kê được Sở TN&MT TH duyệt ngày 18/12/1997 tại trang 21 thửa 31, chủ sử dụng Vũ Văn M1 diện tích 2894m² (Đất ở 294m²; đất vườn 2600m²)

+ Không có hồ sơ chứng minh thửa đất số 31 diện tích 2894m², tờ 2, từ BD ĐC số 6 đo vẽ năm 1997, được xã giao, chuyển quyền, mua bán thời điểm nào, cho người nào.

2. Nguồn gốc giấy xin xác nhận sử dụng 3580m² đất Lâm nghiệp tại Đồi Rọc ngày 20/12/2007 được cán bộ Địa chính xã xác nhận đã đồng ý giao cho hộ ông Bùi Văn L1 được sử dụng từ năm 1996 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HV ngày 21/12/2007.

- Không có hồ sơ giao đất lưu ở xã.

3.2. Ý kiến của ông Vũ Văn M1:

Năm 1992 vợ chồng ông mua của UBND xã HV 1000m² đất và sau đó có mua thêm đất của các hộ liền kề. Năm 2014 được UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2894m² (trong đó: 294m² đất ở và 2600m² đất vườn). Vợ chồng ông không mượn đất của ông Bùi Văn L1 để ở hay canh tác.

Tại phiên tòa, người người khởi kiện ông Bùi Văn L1 đề nghị người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn M1 làm rõ việc mua đất của UBND xã HV năm 1992 và cung cấp hồ sơ mua đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện HT cấp GCNQSD đất ngày 06/01/2014 cho gia đình ông Vũ Văn M1 không có chữ ký của các hộ liền kề là vi phạm về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 246/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh TH, quyết định:

Căn cứ: khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L1 về đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 do UBND huyện HT cấp ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/10/2024, người khởi kiện là ông Bùi Văn L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Bùi Văn L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HN nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Văn L1, giữ nguyên quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L1 đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) huyện HT cấp cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1 là khởi kiện quyết định hành chính được quy định tại các điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính: Tháng 6 năm 2023 ông L1 mới phát hiện ra diện tích đất 3580m² của gia đình ông đã được UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông M1 bà T1. Ngày 10/01/2024 ông Bùi Văn L1 làm đơn khởi kiện, nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 166 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TH.

Tại phiên tòa, người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã HV có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Bùi Thị T1 vắng mặt (người đại diện theo ủy quyền của bà T1 có mặt). Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung khởi kiện:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định cấp giấy CNQSDĐ số BT273267 ngày 06/01/2024 của UBND huyện HT.

Ý kiến của người khởi kiện có nội dung: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 273267, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.894m²; địa chỉ: Xã HV, huyện HT, tỉnh TH, đứng tên ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 14/6/2024 của UBND xã HV và các hồ sơ, giấy tờ liên quan. UBND huyện HT có ý kiến đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện như sau:

- Về giấy xin xác nhận sử dụng đất lâm nghiệp của ông Bùi Văn L1 với diện tích 3.580m² được UBND xã HV xác nhận ngày 21/12/2007 không thể hiện vị trí, tờ bản đồ, số thửa theo các loại bản đồ mà chỉ ghi là tại khu vực ĐR. Do đó, không có cơ sở để xác định khu đất mà ông Bùi Văn L1 được xã xác

nhận trên trùng với vị trí đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1:

+ Theo hồ sơ địa chính xã HV (lập năm 1997): Vị trí cấp giấy tại tờ bản đồ số 6, thửa 31, diện tích 2894m², loại đất T. Sổ mục kê được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TH duyệt ngày 18/12/1997 tại trang 21, thửa 31, chủ sử dụng Vũ Văn M1, diện tích 2894m² (Đất ở 294m²; đất vườn 2600m²).

+ Hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất gồm có các giấy tờ: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được lập ngày 14/9/2011; Biên bản thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất; Đơn đề nghị cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 ngày 15/9/2011; Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 12/9/2013 của UBND xã HV (kèm theo Biên bản họp xét duyệt, Thông báo về việc công khai, Biên bản kết thúc công khai về việc đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 và 23 hộ gia đình khác tại xã HV).

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã HV và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, thời điểm, hiện trạng sử dụng đất của ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1. Đối chiếu với các quy định pháp luật tại thời điểm đề nghị cấp GCNQSD đất; UBND huyện HT đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất ở cho hộ gia đình, cá nhân xã HV (cho ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 và 23 hộ gia đình khác tại xã HV) theo quy định.

[2.2]. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp:

- Theo trình bày của người khởi kiện: Năm 1996 ông được UBND xã HV, huyện HT xét phê duyệt cho ông được mua diện tích đất lâm nghiệp (Đất 02) diện tích 3580m² và sau đó ông cho em gái là Bùi Thị T1 và em rể là Vũ Văn M1 mượn để sản xuất, khi cho mượn không viết giấy mượn.

- Theo trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn M1 trình bày: Năm 1992 vợ chồng ông mua của UBND xã HV 1000m² đất và sau đó có mua thêm đất của các hộ liền kề. Năm 2014 được UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2894m² (trong đó: 294m² đất ở và 2600m² đất vườn). Vợ chồng ông không mượn đất của ông Bùi Văn L1 để ở hay canh tác.

- Theo Công văn số 2094/UBND-TNMT ngày 20/6/2024 của UBND huyện HT về việc “Ý kiến đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện” thì:

Về giấy xin xác nhận sử dụng đất lâm nghiệp của ông Bùi Văn L1 với diện tích 3.580m² được UBND xã HV xác nhận ngày 21/12/2007 không thể hiện vị trí, tờ bản đồ, số thửa theo các loại bản đồ mà chỉ ghi là tại khu vực ĐR. Do đó, không có cơ sở để xác định khu đất mà ông Bùi Văn L1 được xã xác nhận trên trùng với vị trí đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT273267 ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1:

+ Theo hồ sơ địa chính xã HV (lập năm 1997): Vị trí cấp giấy tại tờ bản đồ số 6, thửa 31, diện tích 2894m², loại đất T. Sổ mục kê được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TH duyệt ngày 18/12/1997 tại trang 21, thửa 31, chủ sử dụng Vũ Văn M1, diện tích 2894m² (Đất ở 294m²; đất vườn 2600m²).

Tại Báo cáo số 136/BC-UBND ngày 14/6/2024 của UBND xã HV cung cấp cho Tòa án:

- Nguồn gốc thửa đất số 31 tờ bản đồ địa chính số 6 đo đạc năm 1997 đang bị khởi kiện đề nghị hủy:

+ Theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1985: thuộc thửa đất số 74, diện tích 30.500m², loại đất: LM (lúa màu), chủ sử dụng: Hợp tác xã.

+ Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997: thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6 diện tích 2894m², loại đất T. Sổ mục kê được Sở TNMT TH duyệt ngày 18/12/1997 tại trang 21 thửa 31, chủ sử dụng Vũ Văn M1 diện tích 2894m² (Đất ở 294m²; đất vườn 2600m²).

Không có hồ sơ chứng minh thửa đất số 31 diện tích 2894m², tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã HV đo vẽ năm 1997, được xã giao, chuyển quyền, mua bán thời điểm nào, cho người nào.

- Nguồn gốc giấy xin xác nhận sử dụng 3580m² đất Lâm nghiệp tại ĐR ngày 20/12/2007 được cán bộ Địa chính xã xác nhận đã đồng ý giao cho hộ ông Bùi Văn L1 được sử dụng từ năm 1996 có xác nhận của UBND xã HV ngày 21/12/2007 (*Không có hồ sơ giao đất lưu ở xã*) (Bút lục: 72).

Tại Báo cáo số 43/BC-UBND ngày 01/3/2024 của UBND xã HV cung cấp cho Tòa án:

+ Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01 năm 2013 tại xã HV đã cấp ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 có diện tích 6528m² được UBND huyện HT cấp ngày 18/11/2013 theo GCNQSD đất số BR 527232 và thu hồi theo quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND huyện HT, quyết định về việc thu hồi GCNQSD đất số BR 527232. Lý do thu hồi: Thu hồi theo Bản án số

375/2020/HC-PT ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại HN; Bản án số 99/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh TH.

Thửa đất số 14 tờ bản đồ số 01 năm 2013 cấp trùng vào thửa đất số 63, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996 (*Vì thửa đất số 63 chỉ có tiếp giáp đất lâm nghiệp của ông M2 và ông L1, không có giáp đất lâm nghiệp của ông M1*).

+ Phần đất nằm giữa của thửa đất số 14 (*của bản đồ giao đất rừng năm 2013*) và thửa đất số 31 (*tờ bản đồ số 6 bản đồ địa chính năm 1997*) là khoảng đất còn lại của thửa đất số 63 (*vị trí giáp đất thổ cư chính là thổ cư thửa 31 tờ bản đồ địa chính số 6 đo đạc năm 1997 hiện nay của ông Vũ Văn M1 bà Bùi Thị T1 đã được cấp GCNQSD đất số BT 273267 ngày 06/4/2014 với diện tích 2894m²*).

Hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2014 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 cho ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1, UBND xã không lưu (*Bút lục: 53*).

Qua xem xét “*Giấy xin xác nhận sử dụng đất lâm nghiệp*” do ông Bùi Văn L1 cung cấp, được UBND xã HV xác nhận ngày 21/12/2007 (*Bút lục 50*). Ngày 20/12/2007, ông Bùi Văn L1 đề nghị UBND xã HV xác nhận nội dung: “...*tôi được UBND xã xét duyệt cho tôi được mua một số diện tích là 3580m² và được cấp đất trồng rừng 13768,5m² đã có bìa đỏ còn thiếu 3580m² cho đến nay tôi chưa được cấp bìa đỏ. Vậy tôi làm giấy này kính xin UBND xã và Ban địa chính xã cấp phát cho tôi được nhận bìa đỏ để gia đình sử dụng...*”. Ngày 21/12/2007 ông Nguyễn Thanh T2 là quản lý địa chính đã xác nhận vào nội dung đơn của ông Bùi Văn L1: “*Năm 1996 tôi là cán bộ địa chính xã, được sự đồng ý của UBND xã giải quyết hộ ông: Bùi Văn L1 số diện tích Lâm nghiệp (02) 3580m², địa điểm tại ĐR...*”.

Như vậy, với giấy xác nhận trên không nói vị trí đất lâm nghiệp ông Bùi Văn L1 được UBND xã HV giao tại số thửa đất nào.

Ông Bùi Văn L1 cho rằng diện tích thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6, Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 (sổ mục kê ghi chủ sử dụng đất là ông Vũ Văn M1, loại đất T: đất ở 294m², đất vườn 2600m²) là đất ông được UBND xã HV giao vào mục đích đất trồng rừng, ông đã cho vợ chồng ông Vũ Văn M1, vợ là bà Bùi Thị T1 mượn để canh tác. Vì tin tưởng là anh em ruột nên ông không yêu cầu vợ chồng ông M1 viết giấy tờ mượn đất.

Vợ chồng ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 không công nhận lời khai của ông Bùi Văn L1, việc gia đình ông bà được UBND huyện HT cấp GCNQSD đất ngày 06/01/2014 thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6 Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 (loại đất T, phù hợp với quy hoạch từ năm 1997 đến nay).

Lời khai của ông Bùi Văn L1 không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: theo sổ giao rộng đất lâm nghiệp và GCNQSD đất số 1951880 do UBND huyện HT cấp ngày 12/8/1997 cho ông Bùi Văn T3 (ông T3 và ông L1 là một người), diện tích được cấp 8000m², loại đất lâm nghiệp, vị trí thửa đất số 63 bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996.

Tại Báo cáo số 43/BC-UBND ngày 01/3/2024 của UBND xã HV cung cấp cho Tòa án:

+ Thửa đất số 63, diện tích 8000m² bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996 được cấp giấy chứng nhận ngày 12/8/1997 cho ông Bùi Văn T3. Phía Đông giáp đất thổ cư; phía Tây giáp đất ông L1; phía Nam giáp đất thổ cư; phía Bắc giáp đất ông M2.

Như vậy thửa đất này tiếp giáp đất lâm nghiệp của ông L1, đất lâm nghiệp của ông M2 và đất thổ cư (đất ở và đất cây lâu năm).

+ Phần đất nằm giữa của thửa đất số 14 (của bản đồ giao đất rừng năm 2013) và thửa đất số 31 (từ bản đồ số 6 bản đồ địa chính năm 1997) là khoảng đất còn lại của thửa đất số 63 (vị trí giáp đất thổ cư chính là thổ cư thửa 31 từ bản đồ địa chính số 6 đo đạc năm 1997 hiện nay của ông Vũ Văn M1 bà Bùi Thị T1 đã được cấp GCNQSD đất số BT 273267 ngày 06/4/2014 với diện tích 2894m²).

Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 do UBND huyện HT cung cấp xác định được: nguồn gốc đất của hộ ông Vũ Văn M1 đang sử dụng tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6, Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 là do UBND xã giao cho gia đình ông M1 năm 1990 (thời điểm hình thành thửa đất trước ngày 15/10/1993) (Bút lục: 76, 77). Loại đất thể hiện trên Bản đồ địa chính đo vẽ năm 1997 là đất T, hiện trạng sử dụng đất có nhà ở, sổ mục kê ghi chủ sử dụng Vũ Văn M1 (đất ở 294m², đất vườn 2600m²). Ngày 06/01/2014 UBND huyện HT cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 diện tích 2894m² (trong đó 200m² đất ở, 2694m² đất CLN).

Hồ sơ giao đất lâm nghiệp cho ông Bùi Văn L1 và hồ sơ giao đất thổ cư tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6 Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 hiện không còn lưu.

Ngày 12/6/2024 TAND tỉnh TH tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang tranh chấp: thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6 Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997. Xác định được: Diện tích thửa đất đo đạc được 2224,4m²; trên đất có xây dựng các công trình nhà ở thuộc gia đình ông Vũ Văn M1, bà Bùi Thị T1 xây dựng từ năm 1992 đến nay, các công trình xây dựng trên đất và toàn bộ diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/01/2014 đều do gia đình ông M1 quản lý sử dụng (Bút lục: 96, 106, 107,

108). Kể từ khi gia đình ông M1, bà T1 xây dựng nhà ở trên diện tích đất nêu trên và canh tác hoa màu, gia đình ông M1 không bị ai ngăn cản và tranh chấp. Gia đình ông M1 sử dụng thửa đất vào mục đích đất ở và được ghi nhận trên bản đồ địa chính từ năm 1997, phù hợp với quy hoạch và được UBND huyện HT cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Do ông Bùi Văn L1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện diện tích đất thổ cư thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6, Bản đồ địa chính xã HV đo đạc năm 1997 thuộc quyền sở hữu của ông L1, là diện tích đất lâm nghiệp ông được UBND xã HV giao năm 1996. Tại phiên tòa ông Bùi Văn L1 không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất đang tranh chấp do mình được giao và ở vị trí nào.

Do đó, không có cơ sở để xác minh diện tích đất ông Bùi Văn L1 được UBND xã HV xác nhận có trùng với vị trí đất đã được cấp GCNQSDĐ số BT 273267 do UBND huyện HT cấp cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1.

Từ những phân tích trên, thấy rằng GCNQSDĐ số BT 273267 do UBND huyện HT cấp ngày 06/01/2014 cho ông Vũ Văn M1 và bà Bùi Thị T1 tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06, diện tích 2894m² (Đất ở 294m², đất vườn 2600m²) là đúng pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L1.

[5] Từ các phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L1. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông L1 là đúng. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông L1 không xuất trình thêm chứng cứ mới, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần bác đơn kháng cáo của ông L1, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí: Ông Bùi Văn L1 là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Văn L1.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn L1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 246/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh TH.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn L1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- Cục THADS tỉnh TH;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường